

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 987/2026/DS-PT
Ngày 19-5-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 621/2026/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2645/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 5512/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: số nhà A, Tổ A, ấp N, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Việt H1, sinh năm 1977; địa chỉ liên hệ: số E, Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2025); vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Kim N, sinh năm 1976; địa chỉ: số I, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hồ Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn Trần Thị H và bị đơn Hồ Kim N có mối quan hệ quen biết. Tháng 10/2023, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền 03 lần không thoả thuận về lãi suất, cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 24/10/2023, bị đơn vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, hạn thanh toán đến ngày 08/11/2023 (gọi là giấy mượn tiền ngày 24/10/2023);

- Lần 2: ngày 26/10/2023, bị đơn vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tuần (07 ngày), hạn thanh toán đến ngày 02/11/2023 (gọi là giấy mượn tiền ngày 26/10/2023);

- Lần 3: ngày 28/10/2023, bị đơn vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, hạn thanh toán đến ngày 04/11/2023 (gọi là giấy mượn tiền ngày 28/10/2023);

Nguyên đơn xác định, chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2023, giấy mượn tiền ngày 26/10/2023 và giấy mượn tiền ngày 28/10/2023 là của nguyên đơn. Chữ viết “Hồ Kim N” và dấu vân tay trong các giấy mượn tiền trên là của bị đơn.

Từ khi vay cho đến nay, bị đơn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền gốc nào cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án: Buộc bà Hồ Kim N trả lại cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 2.520.000.000 đồng; trong đó nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ tháng 11/2023 đến tháng 11/2025 là $2.100.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 0,833\%/\text{tháng} = 420.000.000 \text{ đồng}$.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Các giấy mượn tiền ngày 24/10/2023, ngày 26/10/2023 và ngày 28/10/2023 có chữ ký, chữ viết và vân tay của bà N nhưng không được công chứng, chứng thực và không giống của bà nên bà yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên các giấy mượn tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình tố tụng bị đơn và người đại diện hợp pháp không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc 2.100.000.000 đồng. Đối với phần lãi yêu cầu được tính đến tháng 01/2026 với mức lãi suất $0,833\%/\text{tháng} \times 2.100.000.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ tháng}$ (từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2026) = 454.818.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.554.818.000 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi sau khi đã xét xử sơ thẩm.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng, mặc dù có ký tên lẫn tay vào các giấy mượn tiền nhưng trên thực tế không được nhận tiền.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/DS-ST ngày 06-02-2026 của Tòa án nhân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn bà Hồ Kim N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hồ Kim N phải trả cho bà Trần Thị H số nợ phát sinh từ các giấy mượn tiền ngày 24/10/2023, 26/10/2023 và 28/10/2023 tổng cộng là 2.554.818.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm, năm mươi bốn triệu, tám trăm, mười tám nghìn đồng); trong đó, nợ gốc là 2.100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2026 là 454.818.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/02/2026 bị đơn bà Hồ Kim N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/DS-ST ngày 06-02-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Việt H1, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt). Bị đơn bà Hồ Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để bà N có thời gian tìm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Kim N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/DS-ST ngày 06-02-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Kim N1 được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Việt H1, vắng mặt (có đơn yêu cầu vắng mặt). Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Kim N yêu cầu hoãn phiên tòa để bà N có thời gian tìm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N. Xét, phiên tòa lần thứ nhất mở lúc 08 ngày 08/5/2026, ngày 04/5/2026 bà Hồ Kim N có đơn xin hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của bà N.

[2] Về nội dung.

[2.1] Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà H thừa nhận nội dung trong các giấy mượn tiền ghi ngày 24/10/2023; ngày 26/10/2023 và ngày 28/10/2023 là do nguyên đơn viết, đối với chữ ký tên, chữ viết “Hồ Kim N” và dấu vân tay là do bị đơn bà N tự ký, viết và lấn tay. Bà N cho rằng chữ ký, chữ viết “Hồ Kim N” và dấu vân tay trên các giấy mượn tiền không phải của bà N nên bà N không thừa nhận các khoản vay theo các giấy mượn tiền.

Tại Kết luận giám định số: 11384/KL-KTHS ngày 19/12/2025 của Phòng K, Công an Thành phố H đã thể hiện: dấu vân tay tại giấy mượn tiền ngày 26/10/2023, giấy mượn tiền ngày 28/10/2023; chữ ký, chữ viết “Hồ Kim N”, chữ “Tôi đã nhận đủ tiền” tại giấy mượn tiền ngày 28/10/2023; chữ ký, chữ viết “Hồ Kim N” tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2023, giấy mượn tiền ngày 26/10/2023 là của bà Hồ Kim N. Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Công T cũng đồng ý với Kết luận giám định 11384/KL-KTHS ngày 19/12/2025. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo các giấy mượn tiền ghi ngày 24/10/2023, ngày 26/10/2023, ngày 28/10/2023 thể hiện bà N vay của bà H số tiền 2.100.000.000 đồng, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị thi hành đối với các bên. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N phải trả cho bà H số tiền gốc 2.100.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi:

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 của bộ luật này trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có quy định khác”*.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

- Giấy mượn tiền ngày 24/10/2023 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất, bà N hẹn trả trong vòng 15 ngày.

- Giấy mượn tiền ngày 26/10/2023 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất, bà N hẹn trả trong vòng 07 ngày.

- Giấy mượn tiền ngày 28/10/2023 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất, bà N hẹn trả trong vòng 07 ngày.

Đôi chiếu với quy định nêu trên, các khoản vay của bà N đã đến hạn và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bà N phải trả cho bà H tổng số tiền 2.554.818.000 đồng (nợ gốc 2.100.000.000 đồng; nợ lãi 454.818.000 đồng), là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà Hồ Kim N kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Kim N.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hồ Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014302 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16;
- TAND Khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 15b (70).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền